

Số: /BC-SKHĐT

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công quý I năm 2023 và các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới
(tại Hội nghị tổng kết tình hình xây dựng cơ bản năm 2022, kết quả thực hiện Quý I năm 2023 và các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới)

A. Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

I. Tổng số kế hoạch vốn năm 2022 (kể cả vốn năm 2021 kéo dài chuyển sang) của Tỉnh là **6.032,873 tỷ đồng**. Trong đó:

1. Đối với nguồn vốn được thông báo từ đầu năm 2022: **5.906,547 tỷ đồng** (kể cả 48,3 tỷ đồng vốn vay lại).

1.2. Đối với nguồn vốn NSTW hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia (được thông báo từ giữa năm 2022): 126,326 tỷ đồng.

II. Kết quả giải ngân cả năm 2022.

Giải ngân cả năm 5.369,932 tỷ đồng/6.032,873 tỷ đồng, **đạt 89,01%** so với kế hoạch Tỉnh giao, cao hơn 12,45% so với cùng kỳ (năm 2021, đạt 76,56%) và có tỷ lệ cao nhất từ năm 2016 đến năm 2021 (năm 2016 đạt 85,40%; năm 2017 đạt 77,16%; năm 2018 đạt 77,32%; năm 2019 đạt 78,66%; năm 2020 đạt 75,35%). Đồng thời, giải ngân **đạt 90,35%** so với kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ giao.

Ghi chú: Trường hợp không kể 100 tỷ nguồn sử dụng đất cấp Tỉnh và phân vốn NSTW tỉnh đề nghị Trung xem xét điều chuyển sang các địa phương khác, do không giải ngân hết (gồm: 241,3 tỷ vốn ODA và 51 tỷ vốn NSTW), **thì Tỉnh giải ngân đạt 95,87%** so với kế hoạch Tỉnh giao, cao hơn 19,31% so với cùng kỳ (năm 2021, đạt 76,56%).

(phụ lục số 1 – gửi kèm theo)

III. Kết quả giải ngân của các Chủ đầu tư:

1. Đối với nguồn vốn được thông báo từ đầu năm 2022: **5.906,547 tỷ đồng** (chi tiết xem phụ lục số 2 – gửi kèm theo).

Nhìn chung, các Chủ đầu tư với sự phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ và chủ động tập trung thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo⁽¹⁾ của Thủ tướng Chính phủ và Bộ, ngành Trung

⁽¹⁾. Các Văn bản chỉ đạo của Trung ương: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1684/VPCP-KTTH ngày 17/3/2022 và Công điện số 307/CĐ-TTg ngày 08/4/2022...; Các Văn bản chỉ đạo của UBND Tỉnh: số

ương và Tỉnh nên kết quả giải ngân cả năm 2022 đã đạt được một số kết quả như sau:

a. Có 7 đơn vị/34 đơn vị giải ngân đạt 100% kế hoạch được giao. Gồm: (1) Sở Giao thông vận tải; (2) Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông Tỉnh; (3) Đài phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp; (4) Đoàn kinh tế Quốc phòng 959; (5) Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN Tỉnh; (6) UBND huyện Tháp Mười; (7) UBND thành phố Sa Đéc.

b. Có 20 đơn vị/34 đơn vị giải ngân đạt từ 95% đến dưới 100% kế hoạch, như: Vườn Quốc gia Tràm Chim đạt 99,99%, Trung tâm phát triển Quỹ đất (Sở TNMT) đạt 99,67%, UBND huyện Châu Thành đạt 99,83%, UBND thành phố Hồng Ngự đạt 99,81%, UBND huyện Tân Hồng đạt 99,57%...

c. Có 02 đơn vị/34 đơn vị giải ngân đạt trên mức trung bình chung của Tỉnh (cao hơn 89,01%). Gồm: (1) Ban QLDA ĐTXD Công trình NN&PTNT Tỉnh đạt 94,42%; (2) Công an Tỉnh đạt 94,92%.

d. Có 5 đơn vị/34 đơn vị giải ngân đạt thấp hơn mức trung bình chung của Tỉnh (thấp hơn 89,32%). Gồm:

(1) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt 51,67% (*Trường hợp không kể 132,3 tỷ đồng vốn ODA dự kiến không giải ngân theo số liệu ước ban đầu để đề nghị Bộ KHĐT xem xét, điều chỉnh giảm, thì đơn vị giải ngân đạt 74,84%*).

(2) UBND huyện Thanh Bình đạt 54,89% (*Trường hợp không kể 412,807 tỷ đồng phân vốn bố trí dự án Phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh Đồng Tháp, thì đơn vị giải ngân đạt 93,12%*).

(3) Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Tỉnh đạt 81,37%.

(4) Sở Thông tin và Truyền thông đạt 87,44%.

(5) UBND huyện Cao Lãnh đạt 87,99%.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân chương trình MTQG:

- Tổng số kế hoạch vốn NSTW năm 2022: **126,326 tỷ đồng**. Giải ngân cả năm 2022 giải ngân **98,806 tỷ đồng/126,326 tỷ đồng, đạt 78,22% so với kế hoạch**. Trong đó:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân: **98,806 tỷ đồng/125,090 tỷ đồng đạt 78,99%**.

+ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững chưa giải ngân phần vốn 1,236 tỷ đồng.

- Nhìn chung đa số các đơn vị giải ngân tương đối tốt mặc dù nguồn vốn được giao cho các đơn vị vào quý III năm 2022. Trong đó, một số đơn vị giải ngân rất tốt, như: huyện Tháp Mười đạt 100%, huyện Lấp Vò giải ngân đạt 99,53%, huyện Lai Vung giải ngân đạt 99,94%, huyện Tân Hồng giải ngân đạt 93,88%...

02/UBND-ĐTXD ngày 05/01/2022; số 16/UBND-ĐTXD ngày 13/01/2022; số 67/UBND-ĐTXD ngày 28/02/2022; số 250/UBND-ĐTXD ngày 14/7/2022; số 261/UBND-ĐTXD ngày 20/7/2022; số 274/UBND-ĐTXD ngày 01/8/2022; 342/UBND-THVX ngày 27/6/2022; số 397/UBND-ĐTXD ngày 12/10/2022; số 398/UBND-ĐTXD ngày 12/10/2022; số 462/UBND-ĐTXD ngày 23/11/2022; số 468/UBND-ĐTXD ngày 01/12/2022...

Tuy nhiên, cũng còn một số đơn vị triển khai rất chậm hoặc chưa giải ngân, như: huyện Châu Thành và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chưa giải ngân nguồn vốn năm 2022 đã bố trí; UBND TPHN giải ngân đạt 42,26%, UBND HTB giải ngân đạt 44,36%...

(phụ lục số 3 – gửi kèm theo)

IV. Nguyên nhân chủ yếu giải ngân chưa đạt kết quả đề ra.

Nhìn chung, việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 chưa đạt 100% kế hoạch đã đề ra, do có nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan nhưng qua rà soát của Tỉnh thì có những nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, các dự án sử dụng vốn ODA giải ngân rất thấp làm ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung của Tỉnh (số vốn ODA không giải ngân hết là 372,814 tỷ đồng⁽²⁾ chiếm 6,18% tổng vốn năm 2022 của Tỉnh), nguyên nhân là do quy trình triển khai thực hiện mất rất nhiều thời gian, phải thực hiện theo quy định của Nhà tài trợ, tất cả các thủ tục lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, giải ngân... phải gửi đến Nhà tài trợ, phải được thông qua và có “*thư không phản đối của Quỹ Ả rập xê út*” trước khi phê duyệt, ký hợp đồng với nhà thầu nên thời gian thực hiện kéo dài.

Thứ hai, công tác giải phóng mặt bằng (gồm: khảo sát đo đạc, xử lý bản đồ địa chính, thông báo thu hồi đất, trình phê duyệt phương án giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất... mất khoảng 224 ngày) mất rất nhiều thời gian và đang tiếp tục là điểm nghẽn lớn nhất ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân của Tỉnh trong việc thúc đẩy tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của các dự án, nguyên nhân chủ yếu do một số địa phương được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng triển khai còn chậm (nhất là khâu thẩm định các điều kiện bồi thường và giải quyết khiếu nại của người dân), phối hợp chưa chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành Tỉnh cũng như thực hiện chưa quyết liệt, làm phát sinh khiếu nại, kéo dài thời gian, ảnh hưởng lớn đến tiến độ chung của dự án, nhất là các dự án giao thông trọng điểm đi qua nhiều địa bàn.

Thứ ba, khâu tổ chức thực hiện của một số Chủ đầu tư còn thiếu sự quyết liệt, chưa sát sao, chưa chủ động trong việc kiểm tra, kiểm soát để thúc đẩy, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Thứ tư, các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai còn rất chậm do địa phương nhận được thông báo giao vốn của Trung ương vào giữa tháng 6 năm 2022 và Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn chưa kịp thời dẫn đến các Chủ đầu tư thụ động trong việc triển khai thủ tục đầu tư. Mặt khác, một số địa phương khoáng trắng cho UBND cấp xã thực hiện thủ tục đầu tư mà

(2). Gồm:

- Dự án WB9 không giải ngân 141,710 tỷ đồng (cao hơn 34,410 tỷ đồng so với giá trị ban đầu ước không giải ngân hết là 107,3 tỷ đồng).
- Dự án VNSAT không giải ngân 36,118 tỷ đồng (cao hơn 11,118 tỷ đồng so với giá trị ban đầu ước không giải ngân hết là 25 tỷ đồng).
- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng Tỉnh không giải ngân 174,976 tỷ đồng (cao hơn 65,976 tỷ đồng so với giá trị ban đầu ước không giải ngân hết là 109 tỷ đồng).

thiếu hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra dẫn đến khi triển khai danh mục chi tiết phải điều chỉnh.

Riêng Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững cả năm 2022 chưa giải ngân 1,236 tỷ đồng vốn NSTW, do Sở Lao động, Thương binh và xã hội thực hiện thủ tục đầu tư rất chậm.

V. Kiến nghị:

Để tuyên dương các đơn vị giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đạt kết quả tốt cũng như khích lệ phong trào phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch đề ra, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị UBND Tỉnh như sau:

1. Xem xét, chấp thuận khen thưởng cho các đơn vị đã giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2022, cụ thể như sau:

- (1) Sở Giao thông vận tải;
- (2) Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông Tỉnh;
- (3) Đài phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp;
- (4) Đoàn kinh tế Quốc phòng 959;
- (5) Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN Tỉnh;
- (6) UBND huyện Tháp Mười;
- (7) UBND thành phố Sa Đéc.

2. Đề nghị giao Sở Nội vụ tham mưu UBND Tỉnh khen thưởng các đơn vị nêu trên đúng quy định.

B. Tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 và các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

I. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (kể cả vốn năm 2022 kéo dài chuyển sang).

1. Tổng số kế hoạch đầu tư công năm 2023 (kể cả vốn năm 2022 kéo dài chuyển sang) của Tỉnh là **6.006,491 tỷ đồng**. Bao gồm:

1.1. Kế hoạch vốn năm 2023: 5.978,971 tỷ đồng, cao hơn 334,096 tỷ đồng⁽³⁾ so với Thủ tướng Chính phủ. Trong đó:

- Đến nay, đã phân bổ chi tiết: **5.845,800 tỷ đồng, đạt 97,77%** so với kế hoạch.

- Số vốn còn lại đang rà soát phân bổ đợt 2: **133,171 tỷ đồng, chiếm 2,23%** (thuộc Chương trình MTQG dự kiến trong quý I năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu UBND Tỉnh phân khai chi tiết cho các đơn vị (dự kiến HĐND Tỉnh họp vào ngày 31/3/2023)).

⁽³⁾. Trong đó: nguồn chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách tập trung 1.061 tỷ đồng, cao hơn 284,096 tỷ đồng so với Thủ tướng Chính phủ giao (776,904 tỷ đồng) và nguồn thu sử dụng đất 900 tỷ đồng, cao hơn 50 tỷ đồng so với Thủ tướng Chính phủ giao (850 tỷ đồng).

1.2. Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài chuyển sang: 27,520 tỷ đồng (thuộc Chương trình MTQG).

II. Kết quả giải ngân đến ngày 20/3/2023 và ước giải ngân Quý I năm 2023.

1. Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp và các Chủ đầu tư, thì đến nay giải ngân 1.648,501 tỷ đồng/6.006,491 tỷ đồng, **đạt 27,45% so với kế hoạch vốn do Tỉnh giao, cao hơn 18,75% so với cùng kỳ (năm 2022⁽⁴⁾, đạt 8,70%) và đạt 29,43% so với kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao.**

(phụ lục số 4 – gửi kèm theo)

(Phụ lục 5 - chi tiết giải ngân của các Chủ đầu tư – gửi kèm theo)

2. Ước giải ngân Quý I năm 2023 **đạt 28,5%** so với kế hoạch vốn do Tỉnh giao, cao hơn 19,80% so với cùng kỳ (năm 2022, đạt 8,70%) và **đạt 30,32%** so với kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao.

* *Thuyết minh giải ngân đến ngày 20/3/2023 đạt 27,45% > 20,59% (giá trị ban đầu ước giải ngân quý I năm 2023 của Sở KHĐT), nguyên nhân chủ yếu là Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1) được UBND Tỉnh giao 745 tỷ đồng vào ngày 28/02/2023 đến nay đã giải ngân là 531,670 tỷ đồng, đạt 71,36% (chủ yếu chi trả tiền đền bù)===> ban đầu dự kiến là hết quý I năm 2023 mới chi trả đền bù nhưng do đơn vị thực hiện sớm hơn dự kiến ban đầu.*

III. Tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công.

1. Mặt được.

- Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương. Ngay từ đầu năm, UBND Tỉnh đã phân khai chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 cho các Chủ đầu tư và đã có chỉ đạo thúc đẩy tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Công văn số 10/UBND-ĐTXD ngày 07/01/2022 và Công văn số 69/UBND-ĐTXD ngày 27/02/2023).

- UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 08/02/2023, tổ chức Đoàn làm việc với UBND các huyện, thành phố để kịp thời cho chủ trương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các địa phương cũng như chỉ đạo một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong thời gian tới,.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Xây dựng, Văn phòng UBND Tỉnh và các đơn vị liên quan chuẩn bị Hội nghị XDCB năm 2022 để đánh giá tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022; các giải pháp đã triển khai và đề xuất các giải pháp cần tiếp tục triển khai trong năm 2023 để giải ngân đạt 100% kế hoạch đầu tư công năm 2023.

⁽⁴⁾. Tháng 2 năm 2022.

- Dự kiến trong quý II năm 2023, Sở KHĐT sẽ phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực tế một số dự án trọng điểm, công trình quan trọng có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Ngoài ra, định kỳ 2 lần/tháng, Sở KHĐT tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 để tháo gỡ vướng mắc khó khăn cũng như đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đảm bảo tỷ lệ giải ngân cao nhất.

2. Những tồn tại, khó khăn và nguyên nhân chủ yếu.

- Một số địa phương chưa phân khai chi tiết 100% kế hoạch vốn năm 2023 ngay từ đầu năm (còn 43,76 tỷ đồng), như: TPCL (chưa phân khai 15,660 tỷ đồng), huyện Lai Vung (chưa phân khai 6,1 tỷ đồng), huyện Tam Nông (chưa phân khai 5 tỷ đồng); huyện Tháp Mười (chưa phân khai 2 tỷ đồng); huyện Tân Hồng (chưa phân khai 15 tỷ đồng).

- Đến nay, có 05/35 đơn vị đã xây dựng kế hoạch giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND Tỉnh. Riêng việc phân công cụ thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, bộ phận trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc giải ngân, thường xuyên kiểm tra tiến độ tại thực địa, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án đa số các đơn vị chưa thực hiện, do theo phân công của Thủ trưởng các Sở, ban ngành và Chủ tịch UBND Tỉnh thì giao cho cấp phó thực hiện (lồng ghép chức năng nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị).

- Nguồn cung ứng cát cho các dự án, công trình đang khan hiếm và gặp khó khăn. Hiện nay, theo báo cáo của Sở Xây dựng tại Công văn số 59/SXD-KT&VLXD ngày 10/01/2023, thì tổng số lượng cát san lấp ước tính trong năm 2023, 2024, 2025 khoảng 42,6 triệu m^3 (năm 2023 là 19,1 triệu m^3 ; năm 2024 là 16,7 triệu m^3 ; năm 2025 là 6,8 triệu m^3) là tương đối lớn (chưa kể các công trình xây dựng nhà dân), **ảnh hưởng nghiêm trọng đến** thi công công trình (san lấp mặt bằng mới triển khai các hạng mục tiếp theo, chờ điều chỉnh cơ chế chính sách liên quan đến hợp đồng xây dựng, do mức giá chênh lệch dự kiến sẽ cao).

- Một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia chuẩn bị thủ tục đầu tư chậm nên chưa kịp trình cấp có thẩm quyền thông qua danh mục chi tiết kế hoạch vốn năm 2023. Đồng thời, còn thụ động trong việc đối chiếu với kho bạc nhà nước (nơi giao dịch) để thực hiện chuyển sang năm 2023 để thực hiện và giải ngân.

- Một số Chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nhất là báo cáo trên phần mềm quản lý tiến độ dự án đã được UBND Tỉnh quy định tại Quyết định số 561/QĐ-UBND-HC ngày 31/5/2022).

IV. Các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

Để đảm bảo tỷ lệ giải ngân năm 2023 đạt tỷ lệ cao nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất UBND Tỉnh một số giải pháp như sau:

1. Đối với các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND các huyện, thành phố sử dụng vốn đầu tư công:

- Khẩn trương phân bổ, giao chi tiết 100% kế hoạch vốn năm 2023 nhập dự toán các dự án trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) ngay trong quý I năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 và phân công cụ thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, bộ phận trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc giải ngân, thường xuyên kiểm tra tiến độ tại thực địa, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án.

- Tổ chức giao ban định kỳ hằng tuần với các cơ quan chủ quản, chủ đầu tư về tình hình thực hiện các dự án, giải ngân kế hoạch đầu tư công (nhất là công tác giải phóng mặt bằng); định kỳ hằng quý rà soát, đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và trên phần mềm quản lý tiến độ dự án đã được UBND Tỉnh quy định tại Quyết định số 561/QĐ-UBND-HC ngày 31/5/2022 của UBND Tỉnh.

Kết quả thực hiện những nội dung nêu trên báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND Tỉnh chậm nhất ngày 15/4/2023.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại kế hoạch tổng thể từng dự án để làm cơ sở đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện (nhất là các dự án lớn, công trình quan trọng sử dụng nhiều nguồn vốn), kịp thời báo cáo UBND Tỉnh xem xét, điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn hằng năm của Chủ đầu tư để phù hợp với tiến độ thực hiện giữa các dự án.

- Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và trung hạn, để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bảo đảm giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả tốt nhất.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát một số dự án quan trọng, công trình trọng điểm và Chủ đầu tư có vốn bố trí lớn, tham mưu UBND Tỉnh quản lý và điều hành sớm đưa dự án hoàn thành trước tiến độ đề ra.

- Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành, nhất là các công trình lớn, trọng điểm của Tỉnh; kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, làm rõ trách nhiệm cá nhân gây chậm trễ trong việc thanh toán vốn, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện kế hoạch.

3. Giao Sở Xây dựng.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan làm rõ việc giá cát san lấp mặt bằng và cát xây dựng có chênh lệch so với thông báo giá của liên Sở Tài chính và Sở Xây dựng. Từ đó, đề xuất hướng khắc phục và có giải pháp điều hành hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật và hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc áp dụng giá vật liệu xây dựng.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 (tính đến ngày 20/3/2023) của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Kính báo cáo UBND Tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Phụ lục 1

Tình hình thực hiện giải ngân các nguồn vốn năm 2022 của tỉnh Đồng Tháp

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Nội dung	KH năm 2022 (TTCP giao)	KH năm 2022 (Tỉnh giao)	Giá trị giải ngân cả năm theo Tỉnh giao		Giải ngân cả năm theo TTCP giao	
				Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	TỔNG SỐ	4.417.357	6.032.873	5.369.932	89,01%	3.991.260	90,35%
A	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022	4.417.357	5.227.148	4.606.030	88,12%	3.991.260	90,35%
A.1	Giao ngay từ đầu năm	4.417.357	4.550.257	3.991.260	87,72%	3.991.260	90,35%
I	Vốn ngân sách địa phương	3.290.357	3.374.957	3.225.167	95,56%	3.225.167	98,02%
1	Vốn ngân sách tập trung	951.580	1.036.180	1.004.810	96,97%	1.004.810	105,59%
2	Nguồn thu sử dụng đất	800.000	800.000	705.415	88,18%	705.415	88,18%
	- Tỉnh quản lý	100.000	100.000	8.542	8,54%	8.542	8,54%
	- Huyện quản lý	700.000	700.000	696.873	99,55%	696.873	99,55%
3	Vốn xổ số kiến thiết	1.500.000	1.500.000	1.476.165	98,41%	1.476.165	98,41%
4	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp ĐP	38.777	38.777	38.777	100,00%	38.777	100,00%
II	Vốn ngân sách Trung ương	1.127.000	1.175.300	766.093	65,18%	766.093	67,98%
1	Vốn trong nước	630.000	630.000	575.523	91,35%	575.523	91,35%
2	Vốn nước ngoài (vốn ODA)	497.000	545.300	190.570	34,95%	190.570	38,34%
A.2	Giao bổ sung trong năm		676.891	614.770	90,82%		
1	Vốn số dư dự toán năm 2020		70.000	69.999	100,00%		
2	Vốn tăng thu XSKT năm 2020		480.565	445.965	92,80%		
3	Chương trình MTQG		126.326	98.806	78,22%		
B	Kế hoạch vốn năm 2021 chuyển sang		805.725	763.902	94,81%		
I	Vốn ngân sách Trung ương		655.708	630.534	96,16%		
1	Vốn trong nước		546.836	539.746	98,70%		
2	Vốn nước ngoài (vốn ODA)		108.871	90.787	83,39%		
II	Vốn ngân sách địa phương		150.017	133.368	88,90%		
1	Vốn ngân sách tập trung		30.062	24.260	80,70%		
2	Vốn xổ số kiến thiết		119.955	109.109	90,96%		

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân cả năm 2022	
			Giá trị	Tỷ lệ
	TỔNG CỘNG	5.906.547	5.271.126	89,24%
A	CẤP TỈNH	2.531.511	2.287.339	90,35%
I	CÁC SỞ	1.164.451	944.084	81,08%
1	Sở NN&PTNT	427.408	220.829	51,67%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	48.266	42.203	87,44%
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	26.200	25.128	95,91%
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	95.896	92.925	96,90%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	29.526	28.555	96,71%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	37.250	36.463	97,89%
7	Sở Y tế	159.354	157.433	98,79%
8	Sở VHTTDL	1.514	1.512	99,89%
9	Sở Xây dựng	378	378	99,93%
10	Sở Giao thông vận tải	338.659	338.658	100,00%
II	CÁC BAN NGÀNH	1.367.060	1.343.255	98,26%
1	Bộ Chỉ huy BĐBP Tỉnh	24.500	19.936	81,37%
2	Ban QLDA ĐXDCT NN&PTNT Tỉnh	298.979	282.290	94,42%
3	Công an Tỉnh	25.600	24.299	94,92%
4	Văn phòng UBND Tỉnh	6.550	6.440	98,31%
5	Ban Quản lý Khu kinh tế	40.619	40.429	99,53%
6	Trung tâm phát triển quỹ đất	259.850	258.997	99,67%
7	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh	31.838	31.739	99,69%
8	Vườn Quốc gia Tràm Chim	4.263	4.262	99,99%
9	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông Tỉnh	450.952	450.952	100,00%
10	Đài Phát thanh - Truyền hình	15.000	15.000	100,00%
11	Đoàn kinh tế QP 959	20.000	20.000	100,00%
12	Ban QLDA ĐXDCT DD&CN Tỉnh	188.910	188.910	100,00%
B	CẤP HUYỆN	3.240.233	2.944.022	90,86%
1	Huyện Thanh Bình	568.686	312.162	54,89%
2	Huyện Cao Lãnh	180.679	158.979	87,99%
3	Huyện Tam Nông	253.885	247.515	97,49%
4	Huyện Hồng Ngự	217.937	214.923	98,62%
5	Thành phố Cao Lãnh	337.534	333.431	98,78%
6	Huyện Lấp Vò	214.555	213.151	99,35%
7	Huyện Lai Vung	209.889	208.651	99,41%
8	Huyện Tân Hồng	231.557	230.559	99,57%
9	Thành phố Hồng Ngự	272.548	272.017	99,81%
10	Huyện Châu Thành	192.885	192.556	99,83%
11	Huyện Tháp Mười	231.708	231.708	100,00%
12	Thành phố Sa Đéc	328.369	328.369	100,00%
C	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành	34.802	31.223	89,72%
D	Nguồn thu Sử dụng đất cấp Tỉnh	100.000	8.542	8,54%

Phụ lục 3

**Tình hình thực hiện giải ngân nguồn vốn NSTW năm 2022 hỗ trợ thực hiện
Chương trình mục tiêu Quốc gia**

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn	Giải ngân	Đạt tỷ lệ
	TỔNG CỘNG	126.326	98.805,944000	78,22%
I	Chương trình MTQG XD Nông thôn mới	125.090	98.805,944000	78,99%
1	Huyện Tân Hồng	14.643	13.746,803000	93,88%
2	Huyện Hồng Ngự	16.643	13.938,084000	83,75%
3	Thành phố Hồng Ngự	2.925	1.236,153000	42,26%
4	Huyện Thanh Bình	19.055	8.452,572000	44,36%
5	Huyện Tam Nông	20.328	15.140,229000	74,48%
6	Huyện Tháp Mười	5.850	5.850,000000	100,00%
7	Huyện Cao Lãnh	10.237	6.586,934000	64,34%
8	Huyện Lai Vung	16.397	16.387,202000	99,94%
9	Huyện Lấp Vò	17.550	17.467,967000	99,53%
10	Huyện Châu Thành	1.462	0,000000	0,00%
II	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	1.236	0,000000	0,00%
1	Dự án Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 – 2025	1.236		0,00%

Phụ lục 4
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN CÁC NGUỒN VỐN NĂM 2023 CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn theo Thủ tướng giao	Kế hoạch vốn địa phương giao	Giải ngân theo Tỉnh giao		Giải ngân theo TTCP giao		Ghi chú
				Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
	TỔNG SỐ	5.644.875	6.006.491	1.663.544	27,70%	1.661.147	29,43%	
A	Kế hoạch vốn năm 2023	5.644.875	5.978.971	1.661.147	27,78%	1.661.147	29,43%	
I	Vốn ngân sách địa phương	3.226.904	3.561.000	757.915	21,28%	757.915	23,49%	
1	Vốn NSTT	776.904	1.061.000	137.772	12,99%	137.772	17,73%	
2	Nguồn thu sử dụng đất	850.000	900.000	172.077	19,12%	172.077	20,24%	
3	Vốn XSKT	1.600.000	1.600.000	448.066	28,00%	448.066	28,00%	
II	Vốn NSTW hỗ trợ	2.417.971	2.417.971	903.232	37,35%	903.232	37,35%	
1	Chương trình MTQG	132.171	132.171	-	0,00%	-	0,00%	
2	Chương trình Phục hồi phát triển KTXH	1.170.500	1.170.500	265.206	22,66%	265.206	22,66%	
3	Các ngành, lĩnh vực khác	1.115.300	1.115.300	638.026	57,21%	638.026	57,21%	
B	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài chuyển	-	27.520	2.397	8,71%			
1	Chương trình MTQG	-	27.520	2.397	8,71%			
	- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững		1.236	-	0,00%			
	- Chương trình MTQG Nông thôn mới		26.284	2.397	9,12%			

Phụ lục 5
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CỦA
CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân đến ngày báo cáo	
			Giá trị	Tỷ lệ
		1.211	-	
		6.006.491	1.663.544	
	TỔNG CỘNG	6.005.280	1.663.544	27,70%
A	CẤP TỈNH	3.288.802	1.168.682	35,54%
I	CÁC SỞ	565.482	23.523	4,16%
1	Sở Giao thông vận tải	262.202	13.996	5,34%
2	Sở NN&PTNT	17.000	-	0,00%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	48.600	1.160	2,39%
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13.000	-	0,00%
5	Sở VHTTDL	6.280	853	13,58%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	4.000	-	0,00%
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.800	-	0,00%
8	Sở Xây dựng	7.100	-	0,00%
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	147.900	7.514	5,08%
10	Sở Y tế	50.600	-	
II	CÁC BAN NGÀNH	2.723.320	1.145.159	42,05%
1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông Tỉnh	721.366	76.205	10,56%
2	Ban QLDA ĐXDCT DD&CN Tỉnh	393.500	57.910	14,72%
3	Ban QLDA ĐXDCT NN&PTNT Tỉnh	579.000	266.544	46,04%
4	Trung tâm phát triển quỹ đất	819.234	725.458	88,55%
5	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2.000	440	22,00%
6	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh	17.700	2.281	12,88%
7	Trung tâm đầu tư và khai thác hạ tầng (Ban Quản lý KKT)	5.000	1.728	34,56%
8	Đoàn kinh tế QP 959	11.200	-	0,00%
9	Công an Tỉnh	45.000	1.748	3,88%
10	Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn	600	-	0,00%
11	Đài Phát thanh - Truyền hình	18.500	6.118	33,07%
12	Ban Quản lý Khu kinh tế	103.220	6.728	6,52%
13	Trường Cao đẳng Y tế ĐT	7.000	-	0,00%
B	CẤP HUYỆN	2.550.307	494.862	19,40%
1	Huyện Thanh Bình	213.702	30.886	14,45%
a	NSTT huyện quản lý	37.000	6.106	16,50%
b	Nguồn thu SDD huyện quản lý	60.000	115	0,19%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	106.100	24.665	23,25%
d	Chương trình MTQG	10.602	-	
2	Huyện Hồng Ngự	223.655	62.331	27,87%
a	NSTT huyện quản lý	28.000	12.157	43,42%
b	Nguồn thu SDD huyện quản lý	64.000	18.937	29,59%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	128.950	31.237	24,22%

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân đến ngày báo cáo	
			Giá trị	Tỷ lệ
d	Chương trình MTQG	2.705	-	
3	Thành phố Hồng Ngự	247.689	24.045	9,71%
a	NSTT huyện quản lý	28.000	11.046	39,45%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	160.000	2.872	1,80%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	58.000	10.127	17,46%
d	Chương trình MTQG	1.689	-	
4	Huyện Tam Nông	196.234	58.786	29,96%
a	NSTT huyện quản lý	30.000	78	0,26%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	20.000	223	1,11%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	141.046	57.079	40,47%
d	Chương trình MTQG	5.188	1.407	
5	Huyện Cao Lãnh	164.050	30.349	18,50%
a	NSTT huyện quản lý	41.000	3.719	9,07%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	35.000	4.523	12,92%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	84.400	22.107	26,19%
d	Chương trình MTQG	3.650	-	
6	Huyện Tháp Mười	193.632	61.708	31,87%
a	NSTT huyện quản lý	37.000	7.183	19,41%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	70.000	996	1,42%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	86.632	53.529	61,79%
d	Chương trình MTQG			
7	Thành phố Sa Đéc	364.000	105.687	29,03%
a	NSTT huyện quản lý	74.000	24.291	32,83%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	166.000	28.807	17,35%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	124.000	52.590	42,41%
d	Chương trình MTQG			
8	Huyện Lấp Vò	141.727	22.999	16,23%
a	NSTT huyện quản lý	36.000	256	0,71%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	30.000	2.125	7,08%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	75.645	20.618	27,26%
d	Chương trình MTQG	82	-	
9	Huyện Tân Hồng	167.176	16.028	9,59%
a	NSTT huyện quản lý	28.000	-	0,00%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	15.000	3.780	25,20%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	123.280	12.248	9,93%
d	Chương trình MTQG	896	-	
10	Huyện Lai Vung	180.210	34.664	19,24%
a	NSTT huyện quản lý	34.000	4.465	13,13%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	30.000	5.417	18,06%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	116.200	24.782	21,33%
d	Chương trình MTQG	10	-	
11	Thành phố Cao Lãnh	306.960	9.055	2,95%
a	NSTT huyện quản lý	120.000	-	0,00%
b	Nguồn thu SĐĐ huyện quản lý	100.000	-	0,00%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	86.960	9.055	10,41%
d	Chương trình MTQG			

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân đến ngày báo cáo	
			Giá trị	Tỷ lệ
12	Huyện Châu Thành	151.272	38.325	25,34%
a	NSTT huyện quản lý	28.000	11.318	40,42%
b	Nguồn thu SDD huyện quản lý	50.000	7.553	15,11%
c	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	71.810	18.463	25,71%
d	Chương trình MTQG	1.462	990	
C	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành	20.000	-	0,00%
D	Vốn chuẩn bị đầu tư	13.000	-	
E	Vốn chưa phân bổ	133.171		
1	XSKT	1.000		
2	NSTW	132.171		